

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ D16XDD

**TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẬP ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH HỌC KỲ 1
MÃ HỌC PHẦN : GLY - 291 TÍN CHỈ 1**

Ngày thi: 19/12/2010

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
1	169211456	LƯU VĂN ANH	D16XDD1	7				6				6	6.2	Sau pháp Hai			
2	169211457	VÕ NGỌC BA	D16XDD1	10				8				7	7.9	Baý pháp Chên			
3	169211458	ĐẶNG CHÍ BẢO	D16XDD1	0				0				V	0.0	Khăng			
4	169211459	PHẠM VĂN BẢO	D16XDD1	10				8				7	7.9	Baý pháp Chên			
5	169211460	VÕ NHƯ THÁI BÌNH	D16XDD1	10				8				7	7.9	Baý pháp Chên			
6	169211461	PHẠM ĐỨC BÌNH	D16XDD1	10				7				7	7.6	Baý pháp Sau			
7	169211462	NGUYỄN VĂN CAO	D16XDD1	10				6				7	7.4	Baý pháp Bấu			
8	169211463	TRẦN VĂN CHÁNH	D16XDD1	10				8				7	7.9	Baý pháp Chên			
9	169211464	PHẠM NGỌC CHÂU	D16XDD1	8				6				7	7.0	Baý			
10	169211466	PHAN NGUYỄN THANH CHUÔNG	D16XDD1	10				9				8	8.7	Tam pháp Baý			
11	169211467	NGUYỄN CHUÔNG	D16XDD1	10				8				8	8.4	Tam pháp Bấu			
12	169211468	DƯƠNG TẤN CƯỜNG	D16XDD1	10				7				7	7.6	Baý pháp Sau			
13	169211470	ĐẶNG MINH CƯỜNG	D16XDD1	10				7				7	7.6	Baý pháp Sau			
14	169211471	BÙI THANH DANH	D16XDD1	10				8				8	8.4	Tam pháp Bấu			
15	169211472	NGUYỄN VĂN ĐẠT	D16XDD1	8				7				7	7.2	Baý pháp Hai			
16	169211473	NGUYỄN ĐỨC SĨ ĐIỆN	D16XDD1	10				7				7	7.6	Baý pháp Sau			
17	169211474	NGÔ ĐÌNH DỊU	D16XDD1	10				7				7	7.6	Baý pháp Sau			
18	169211475	VŨ VĂN DUÁN	D16XDD1	8				7				8	7.8	Baý pháp Tam			
19	169211476	DƯƠNG THỊ KIM DUNG	D16XDD1	10				8				8	8.4	Tam pháp Bấu			
20	169211479	TRINH ANH DŨNG	D16XDD1	8				7				6	6.7	Sau pháp Baý			
21	169211481	LÊ XUÂN DUY	D16XDD1	10				9				7	8.1	Tam pháp Mấu			
22	169211483	HOÀNG THỊ THU HÀ	D16XDD1	10				8				9	9.0	Chên			
23	169211484	HỨA HÙNG HÀ	D16XDD1	10				8				7	7.9	Baý pháp Chên			
24	169211485	HUỲNH LÊ VĂN HẢI	D16XDD1	10				8				8	8.4	Tam pháp Bấu			
25	169211486	NGUYỄN VĂN HẠNH	D16XDD1	10				8				9	9.0	Chên			
26	169211488	TRẦN VĂN HIỆP	D16XDD1	10				8				7	7.9	Baý pháp Chên			
27	169211489	NGUYỄN THANH HIẾU	D16XDD1	10				8				9	9.0	Chên			
28	169211490	NGUYỄN VĂN HIẾU	D16XDD1	10				7				7	7.6	Baý pháp Sau			
29	169211491	TRINH VĂN HÒA	D16XDD1	10				6				8	7.9	Baý pháp Chên			
30	169211492	NGUYỄN THỊ HÒA	D16XDD1	10				8				8	8.4	Tam pháp Bấu			
31	169211493	LÊ MINH HOÀNG	D16XDD1	10				8				9	9.0	Chên			
32	169211494	PHAN THANH HOÀNG	D16XDD1	7				7				7	7.0	Baý			
33	169211495	DƯƠNG QUỐC HOÀNG	D16XDD1	10				7				7	7.6	Baý pháp Sau			
34	169211497	TRẦN THANH HỒNG	D16XDD1	10				6				7	7.4	Baý pháp Bấu			
35	169211498	ĐOÀN MẠNH HÙNG	D16XDD1	10				7				7	7.6	Baý pháp Sau			
36	169211499	PHAN ĐỨC HỮU	D16XDD1	10				8				8	8.4	Tam pháp Bấu			
37	169211500	NGUYỄN CÔNG HỮU	D16XDD1	10				8				8	8.4	Tam pháp Bấu			
38	169211501	ĐÀO HY HUY	D16XDD1	10				8				7	7.9	Baý pháp Chên			
39	169211504	TÔ KHUÔNG	D16XDD1	10				8				7	7.9	Baý pháp Chên			
40	169211505	NGUYỄN VĂN KIM	D16XDD1	10				7				7	7.6	Baý pháp Sau			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ D16XDD

TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẬP ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

HỌC KỲ 1

MÃ HỌC PHẦN : GLY - 291

TÍN CHỈ 1

Ngày thi: 19/12/2010

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
41	169211508	PHẠM THẾ LINH	D16XDD1	10				7				7	7.6	Báý pháy Sầu			
42	169211509	LƯU ĐỨC LINH	D16XDD1	0				0				V	0.0	Khăng			
43	169211510	NGUYỄN ĐÌNH LONG	D16XDD1	10				9				7	8.1	Tầm pháy Mầu			
44	169211511	LÊ BÁ LONG	D16XDD1	10				8				7	7.9	Báý pháy Chên			
45	169211512	TRẦN VĂN LONG	D16XDD1	10				7				7	7.6	Báý pháy Sầu			
46	169211513	NGUYỄN PHÚ LONG	D16XDD1	10				7				7	7.6	Báý pháy Sầu			
47	169211514	PHAN CÔNG LUÂN	D16XDD1	10				8				7	7.9	Báý pháy Chên			
48	169211515	HỒ ANH LƯƠNG	D16XDD1	10				7				7	7.6	Báý pháy Sầu			
49	169211518	NGUYỄN ĐỨC LYNH	D16XDD1	10				7				8	8.2	Tầm pháy Hai			
50	169211519	PHẠM MẮN	D16XDD1	10				7				7	7.6	Báý pháy Sầu			
51	169211521	LÊ TỰ QUỐC MINH	D16XDD1	10				7				6	7.1	Báý pháy Mầu			
52	169211523	NGUYỄN VĂN NAM	D16XDD1	10				7				7	7.6	Báý pháy Sầu			
53	169211525	PHẠM TRƯỜNG NGÂN	D16XDD1	10				7				6	7.1	Báý pháy Mầu			
54	169211572	NGUYỄN NHƯ TRUNG	D16XDD1	10				7				6	7.1	Báý pháy Mầu			
55	169221596	PHAN LÊ NGHĨA HIỆP	D16XDD1	10				7				6	7.1	Báý pháy Mầu			
56	152210132	ĐỖ HOÀNG LONG	D16XDD1	10				8				8	8.4	Tầm pháy Bẩu			
57	169211465	PHAN TRUNG CHUNG	D16XDD2	0				0				V	0.0	Khăng			
58	169211478	HOÀNG TIẾN DŨNG	D16XDD2	10				7				8	8.2	Tầm pháy Hai			
59	169211480	NGUYỄN HỒ ANH DUY	D16XDD2	10				7				8	8.2	Tầm pháy Hai			
60	169211526	LÊ HỮU NGHĨA	D16XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháy Sầu			
61	169211527	TRẦN NGỌC NHẬT	D16XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháy Sầu			
62	169211529	TRẦN VĂN PHÁP	D16XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháy Sầu			
63	169211530	BẠCH VĂN PHIẾU	D16XDD2	0				0				V	0.0	Khăng			
64	169211531	THÁI DUY PHỐ	D16XDD2	10				8				8	8.4	Tầm pháy Bẩu			
65	169211532	NGUYỄN NGỌC PHỐ	D16XDD2	10				8				9	9.0	Chên			
66	169211533	MAI LY PHÔN	D16XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháy Sầu			
67	169211534	PHẠM NGỌC PHÚC	D16XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháy Sầu			
68	169211537	ĐẶNG PHƯƠNG	D16XDD2	10				8				8	8.4	Tầm pháy Bẩu			
69	169211538	LÊ DUY PHƯƠNG	D16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháy Chên			
70	169211539	HOÀNG PHƯƠNG	D16XDD2	10				7				6	7.1	Báý pháy Mầu			
71	169211541	NGUYỄN QUANG QUÂN	D16XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháy Sầu			
72	169211543	ĐÌNH TRẦN QUANG	D16XDD2	8				7				7	7.2	Báý pháy Hai			
73	169211544	ĐỖ MINH QUANG	D16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháy Chên			
74	169211545	TRẦN QUANG	D16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháy Chên			
75	169211546	VÕ TIẾN QUỐC	D16XDD2	10				8				9	9.0	Chên			
76	169211547	DOÃN ĐỨC SINH	D16XDD2	10				8				8	8.4	Tầm pháy Bẩu			
77	169211548	LÊ VIỆT SƠN	D16XDD2	10				6				6	6.8	Sầu pháy Tầm			
78	169211549	TRẦN NGỌC SƠN	D16XDD2	10				8				8	8.4	Tầm pháy Bẩu			
79	169211550	LÊ NGỌC SƠN	D16XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháy Sầu			
80	169211551	HOÀNG THANH SỰ	D16XDD2	10				8				8	8.4	Tầm pháy Bẩu			
81	169211552	HOÀNG TÂM	D16XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháy Sầu			
82	169211553	LƯƠNG XUÂN TÂM	D16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháy Chên			
83	169211554	LÊ VĨNH THẮNG	D16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháy Chên			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ D16XDD

TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẬP ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH HỌC KỲ 1
MÃ HỌC PHẦN : GLY - 291 TÍN CHỈ 1
LẦN THI 1

Ngày thi: 19/12/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
84	169211555	TÔ HỒNG	THANH	D16XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháýp Sầu		
85	169211556	TRẦN PHƯƠNG	THANH	D16XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháýp Sầu		
86	169211557	PHAN TÂN	THANH	D16XDD2	0				0				V	0.0	Khăng		
87	169211558	NGUYỄN TRỌNG	THANH	D16XDD2	10				9				8	8.7	Tằm pháýp Báý		
88	169211560	HUỲNH NGỌC	THỊNH	D16XDD2	6				8				7	7.1	Báý pháýp Mầù		
89	169211561	HỒ VĂN	THÔNG	D16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháýp Chèn		
90	169211564	LÊ TRUNG	TIẾN	D16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháýp Chèn		
91	169211565	NGUYỄN NGỌC	TIN	D16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháýp Chèn		
92	169211566	LÊ ĐỨC	TÌNH	D16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháýp Chèn		
93	169211567	PHAN ĐÌNH	TOÀN	D16XDD2	7				8				8	7.8	Báý pháýp Tằm		
94	169211568	PHAN VĂN	TOÀN	D16XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháýp Sầu		
95	169211569	NGUYỄN MINH	TRÍ	D16XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháýp Sầu		
96	169211571	HỒ CÔNG	TRÌNH	D16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháýp Chèn		
97	169211575	NGUYỄN TIẾN	TRUNG	D16XDD2	10				9				8	8.7	Tằm pháýp Báý		
98	169211576	NGUYỄN NGỌC	TRUỖNG	D16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháýp Chèn		
99	169211578	NGUYỄN ANH	TÚ	D16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháýp Chèn		
100	169211580	BÙI THANH	TUẤN	D16XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháýp Sầu		
101	169211581	LƯU GIAI	TUẤN	D16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháýp Chèn		
102	169211582	PHAN THỊ THẢO	UYÊN	D16XDD2	10				9				8	8.7	Tằm pháýp Báý		
103	169211583	NGUYỄN XUÂN	VIỆT	D16XDD2	10				7				6	7.1	Báý pháýp Mầù		
104	169211585	VÕ HOÀNG	VŨ	D16XDD2	10				7				6	7.1	Báý pháýp Mầù		
105	169211586	NGUYỄN ANH	VŨ	D16XDD2	8				7				6	6.7	Sầu pháýp Báý		
106	169211587	LÊ MINH	VƯƠNG	D16XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháýp Sầu		
107	169221623	NGUYỄN TRUNG	TÍN	D16XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháýp Sầu		
108	169221630	ĐOÀN VĂN	VUI	D16XDD2	10				7				8	8.2	Tằm pháýp Hai		
109	152210100	HUỲNH THÁI	NHÂN	D16XDD2	0				0				V	0.0	Khăng		
1	0062	ĐẶNG NGỌC MINH	TRỰC	D15XDD2	10				7				7	7.6	Báý pháýp Sầu		
2	1595	NGUYỄN TUẤN	HẢI	D16XDC	10				7				7	7.6	Báý pháýp Sầu		
3	1611	LÊ QUANG	MINH	D16XDC	10				7				7	7.6	Báý pháýp Sầu		
4	1626	TRẦN ĐẮC	TƯ	D16XDC	10				7				7	7.6	Báý pháýp Sầu		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	107	95%	
2	Số sinh viên nợ	6	5%	
TỔNG CỘNG :		113	100%	

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 12 năm 2010

LẬP BẢNG KIỂM TRA LÃNH ĐẠO KHOA PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên) (ký và ghi rõ họ tên) (ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức Trương Văn Tâm ThS. Nguyễn Quốc Lâm ThS. Nguyễn Hữu Phú